TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày: 10-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Đình Thông

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu, ông Hồ Đức Quang

Thư K phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp, Thư K Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Vinh Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 12/2020/TLPT-DS ngày 06/10/2020, giữa:

- Nguyên đơn: **Bà Trương Thị D**, sinh năm: 1957, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Bị đơn: **Ông Đinh Quang C**, sinh năm: 1958, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Tá H, sinh năm: 1992, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

+ Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1965, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:
+ Ủy ban nhân dân xã K, thị xã K, vắng mặt;

+ Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày:

Bà Trương Thị D và ông Đinh Tá K cùng chung sống từ năm 1987 (ông K mất năm 2012). Ông bà có 01 người con chung là Đinh Tá H, sinh năm 1992.

Trước đó, ông K đã kết hôn với bà Cao Thị T (chết năm 2004), có 02 người con riêng là Đinh Quang C và Đinh Thị H. Ngày 01/12/2004, ông Đinh Tá K để lại Bản di chúc, nội dung chia tài sản thành 06 phần, trong đó phần thứ 05 nói về việc chia đất đai lai thổ của gia đình, cụ thể như sau:

Đất chia cho vợ chồng, con cái ông Đinh Quang C: Thửa đất giáp quốc lộ 1A, thửa đất này hiện giờ ông C đang sử dụng, phía trong giáp đất anh T Quang, phía ngoài giáp khe Bầu Nam, phía dưới giáp đất ông T, phía trên giáp quốc lộ 1, là phần đất của vợ chồng và con cái ông C, vợ chồng ông C có quyền bảo quản và sử dụng. Bà D, anh H1 không tranh chấp.

Phần đất chia cho bà Trương Thị D và con trai anh Đinh Tá H gồm:

1) Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, cấp ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, có diện tích 1165m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 865m^2 đất vườn); Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình chung sống do ông K bị bệnh nên ông đã chuyển nhượng cho 03 hộ gia đình để lấy tiền chữa bệnh, cụ thể: Chuyển nhượng cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc B và bà Tương Mỹ A theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/11/2009 đã được UBND huyện K (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 834714, số vào sổ H-00110 với điện tích 126m^2 đất vườn; Chuyển nhượng cho hộ gia đình ông Nguyễn Tiến S và bà Thái Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/11/2009 đã được UBND huyện Kỳ Anh (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 834715, số vào sổ H-00111 với điện tích 126m^2 đất vườn; Chuyển nhượng cho hộ gia đình ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị H theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/11/2009 đã được UBND huyện K (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 834716, số vào sổ H-00112 với điện tích 123m^2 đất vườn. Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, bản đồ 299/TTg là 945,6m^2 (Trong đó có 300m^2 đất ở và 664,9m^2 đất nông nghiệp). Thửa đất hiện nay đã được UBND thị xã K ra Quyết định thu hồi đất số 70/TB-UBND ngày 07/03/2017 thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu khách sạn Happy của Công ty TNHH TDT.VN tại phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Theo bảng tổng hợp dự toán phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của UBND thị xã K thì giá trị bồi thường cho thửa đất của ông Đinh Tá K là 341.402.700 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm linh hai ngàn, bảy trăm đồng). Số tiền này hiện chưa được chi trả do đang có tranh chấp.

2) Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 08/299/TTG sau khe Ồ Ồ, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Thủy, phía Nam thửa đất giáp đường giao thông, phía Tây thửa đất giáp hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T và giáp đất bà Nguyễn Thị X, phía Đông giáp đất hộ gia đình ông Uông Văn H; tổng diện tích thửa đất là 601,2 m^2; địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

3) Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 09/299/TTg trồng lúa và trồng cây bạch đàn. Thửa đất đang tranh chấp tại khu vực Nhà Lợn được chia làm hai phần tiếp

giáp nhau: Phần phía Tây là đất trọt trồng lúa nước; Phần đất phía Đông là đất đồi dốc, trên thửa đất trồng cây Bạch Đàn đã khai thác, hiện mọc tái sinh khoảng 1 đến 2 năm tuổi. Về phần đất trọt trồng lúa phía Tây: Phía Bắc giáp đường giao thông rộng 07m; Phía Nam giáp phần đất phía Đông trồng cây Bạch đàn; Phía Tây thửa đất giáp phần đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Nguyễn Văn H; Phía Đông giáp phần đất đồi phía Đông trồng cây Bạch Đàn; Tổng diện tích thửa đất trồng lúa đang tranh chấp là 997,6m^2. Về phần đất phía Đông trồng cây Bạch Đàn: Phía Bắc giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Đinh Tá D; Phía Nam giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Võ Văn T; Phía Tây giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Nguyễn Văn H và giáp phần đất trồng lúa phía Tây; Phía Đông giáp phần đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ ông Đinh Tá Ngọc; Tổng diện tích thửa đất đồi trồng cây Bạch Đàn là 1671,6m$^{2.}$ (Phần đất trồng cây Bạch đàn này, các đương sự không có tranh chấp).

Nội dung của bản di chúc rõ ràng, đầy đủ, chính tay chồng bà là ông Đinh Tá K tự cầm bút mực màu xanh viết và K tên. Ông lập di chúc trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt và tự nguyện không bị ai ép buộc. Ông Đinh Quang C là con trai riêng của ông K với bà Cao Thị T (đã mất). Quá trình sinh sống, ông C không đi lại, quan tâm, chăm sóc ông K. Bà D, ông K và con trai chung sống hòa thuận, chăm sóc khi ốm đau, bệnh tật. Sau khi ông K qua đời, hai mẹ con lo tổ chức ma chay, cúng đơm, hương khói, thờ phụng chu đáo, đầy đủ.

Vì vậy, bà D khởi kiện ông Đinh Quang C và yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Công nhận Bản di chúc của ông Đinh Tá K lập ngày 01/12/2004 là hợp pháp và phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho Trương Thị D và con trai Đinh Tá H được hưởng di sản thừa kế như sau:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, Giấy CNQSD đất số K 022157, cấp ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, có diện tích 945,6m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất này hiện đã bị UBND thị xã K ra Quyết định thu hồi và áp giá đền bù; đề nghị Tòa án công nhận quyền được hưởng số tiền bồi thường giá trị thửa đất là 341.402.700 đồng cho bà Trương Thị D và anh Đinh Tá H.

- Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 08/299/TTG sau khe Ồ Ồ, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T, phía Nam thửa đất giáp đường giao thông, phía Tây giáp hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T và giáp đất bà Nguyễn Thị X, phía Đông giáp đất hộ gia đình ông Uông Văn Hiển; tổng diện tích thửa đất là 601,2 m^2; địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 08/299/TTG trồng lúa và trồng cây bạch đàn tại khu vực Nhà Lợn được chia làm hai phần tiếp giáp nhau: Phần phía Tây là đất trọt trồng lúa, diện tích 997.6 m^2; Phần đất phía Đông là đất đồi trồng cây Bạch Đàn đã khai thác, hiện mọc tái sinh khoảng 1 đến 2 năm tuổi, có diện tích 1671.6 m^2 , phần đất này do bà D khai hoang, không có tranh chấp.

2. Buộc ông Đinh Quang C phải chấm dứt các hành vi cản trở quyền sử dụng các di sản thừa kế là 03 thửa đất nói trên.

- Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Quang C trình bày:

Ông Đinh Tá K và bà Cao Thị T là vợ chồng, hôn nhân hợp pháp, có 02 người con chung là Đinh Quang C và Đinh Thị H. Ông K đi bộ đội đến năm 1979 xuất ngũ về quê sinh sống. Năm 1975, bà Thỏi làm thủ tục và đã được Hợp tác xã cấp cho thửa đất số 146, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299/TTG; được UBND huyện Kỳ Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K022157, ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, diện tích 1165m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 865m^2 đất vườn) tại: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9 có nguồn gốc đất là của ông Đinh Tá K và Cao Thị T. Việc ông Đinh Tá K có di chúc để lại cho mẹ con bà D thửa đất này là không đúng theo quy định của pháp luật và yêu cầu chia 3 phần bằng nhau cho ba người con gồm: Đinh Quang C, Đinh Thị H, Đinh Tá H.

Còn về hai thửa đất ở sau khe Ô Ồ và khu vực Nhà Lợn là do ông trực tiếp khai hoang vào năm 1978. Đến năm 1979 khi cha ông xuất ngũ trở về quê sinh sống, ông đã cho cha mẹ mượn để sản xuất. Riêng thửa đất ở khu vực Nhà Lợn thì ông chỉ lấy phần đất trồng lúa nước có diện tích 997,6 m^2 là đất của ông cho ông Đinh Tá K mượn để sử dụng, còn phần diện tích đất trồng cây Bạch Đàn thì do ông K và bà D quá trình sinh sống khai hoang nên không tranh chấp. Ông cho rằng 2 thửa đất trên có nguồn gốc là đất của ông nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Tá H trình bày:

Anh Đinh Tá H là con trai của ông Đinh Tá K và bà Trương Thị D. Trước khi chết ông K có lập di chúc ngày 01/12/2004 để lại cho mẹ con tôi 03 thửa đất như nội dung mẹ tôi trình bày. Tuy nhiên, ông Đinh Quang C cố tình tranh chấp và không chấp nhận di chúc của ông K mặc dù anh C, chị H, hiện nay vẫn đang sử dụng đất. Hiện nay, anh H1 chưa được hưởng tài sản là đất đai do ông K để lại. Trong di chúc, ông K cũng đã nêu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ thờ phụng, hương khói sau này là do anh Đinh Tá H đảm đương. Vì vậy, anh H1 yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H trình bày:

Bà Hoa là con gái của ông Đinh Tá K và bà Cao Thị T. Nguồn gốc đất đai đúng như lời trình bày của ông Đinh Quang C. Việc bà D, anh H1 yêu cầu được phân chia đất đai của ông K là không có căn cứ. Nay yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tranh chấp trên đã được TAND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh giải quyết tại bản án số 07/2020/DS-ST ngày 06-10-2020: Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 609, 624, 626, 627; khoản 1 Điều 628, Điều 630, 631, 633, 659 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án công nhận bản di chúc của ông Đinh Tá K lập ngày 01/12/2004 là hợp pháp.

2. Bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H được hưởng di sản thừa kế theo di chúc như sau:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, có diện tích 945,6m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H được hưởng số tiền bồi thường giá trị thửa đất số 146 là 341.402.700 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm linh hai nghìn, bảy trăm đồng) theo quy định.

- Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 08, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, vị trí thửa đất khe Ồ Ồ, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T, phía Nam thửa đất giáp đường giao thông, phía Tây thửa đất giáp hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T và giáp đất bà Nguyễn Thị X, phía Đông giáp đất hộ gia đình ông Uông Văn H; diện tích thửa đất là 601,2 m^2; địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Thửa đất trồng lúa số 299, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, vị trí thửa đất tại khu vực Nhà Lợn, có phía Bắc giáp đường giao thông rộng 07m; Phía Nam giáp phần đất phía Đông trồng cây Bạch đàn; Phía Tây thửa đất giáp phần đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Nguyễn Văn H; Phía Đông giáp phần đất đồi phía Đông trồng cây Bạch Đàn, diện tích thửa đất trồng lúa là 997,6 m^2. địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố H, phường K, thị xã K.

Tạm giao cho bà Trương Thị D quản lý phần đất phía Đông trồng cây Bạch Đàn (Phần đất tiếp giáp với phần đất trồng lúa có diện tích 997.6 m^2 tại khu vực Nhà Lợn, thửa số Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 09, bàn đồ 299/TTg), tại khu vực Nhà Lợn, có vị trí: Phía Bắc giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Đinh Tá D; Phía Nam giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Võ Văn T; Phía Tây giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Nguyễn Văn H và giáp phần đất trồng lúa phía Tây; Phía Đông giáp phần đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ ông Đinh Tá N; diện tích thửa đất đồi trồng cây Bạch Đàn là 1671,6 m^2 . Bà Trương Thị D có quyền đề nghị các cơ quan quản lý đất đai ở địa phương để được làm

thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

3. Buộc ông Đinh Quang C phải chấm dứt các hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H đối với các di sản thừa kế là quyền sử dụng đất được hưởng.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Không đồng tình với bản án sơ thẩm, ngày 07/10/2020, bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và ý kiến đã trình bày, các đương sự không thống nhất được về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư K phiên tòa và đương sự đã đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 06-10-2020 của TAND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" là thực hiện đúng quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định tại Điều 68, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do đây là vụ án tranh chấp về quyền thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất nên việc xác minh về nguồn gốc sử dụng đất là cần thiết để làm rõ nội dung vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm xác định UBND xã K và UBND thị xã K là những người tham gia tố tụng khác trong vụ án và triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[2]. Về nội dung.

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Đinh Tá K, bà Cao Thị T, bà Trương Thị D: Tài liệu lưu giữ tại UBND phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, thể hiện: ông Đinh Tá K và bà Cao Thị T sống chung với nhau từ khoảng những năm 1954 đến năm 1990; ông Đinh Tá K và bà Trương Thị D sống chung với nhau từ năm 1987 đến khi ông K chết (năm 2012). Quá trình chung sống giữa ông K và bà Thỏi, bà D đều không có hồ sơ đăng K kết hôn lưu trữ; đương sự không cung

cấp được tài liệu thể hiện hôn nhân giữa các ông bà là hợp pháp. Như vậy, căn cứ Nghị Quyết 35/2000 của UBTV Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân gia đình; điểm 1, mục d điểm 2 Thông tư liên tịch số 01 của TAND Tối cao, VKSND Tối cao, Bộ Tư pháp ngày 3-1-2001, công nhận hôn nhân thực tế giữa ông K và bà Thỏi từ năm 1954 đến năm 2004 (năm 2004 bà Thỏi chết). Việc sống chung giữa bà D và ông K không được pháp luật thừa nhận là hợp pháp. Vì vậy, quan hệ giữa bà Thỏi và ông K được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 bao gồm cả quan hệ về tài sản chung của vợ chồng (tại Điều 15 quy định: *"Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới").* Đối với quan hệ giữa ông Đinh Tá K và bà Trương Thị D được điều chỉnh theo quy định Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, theo đó không công nhận bà D là vợ ông K. Tuy nhiên, việc để lại di sản thừa kế là ý chí, nguyện vọng, tự định đoạt của người để lại di sản. Do đó, di chúc của ông K được pháp luật ghi nhận và bảo vệ theo quy định.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án công nhận bản di chúc của ông Đinh Tá K lập ngày 01/12/2004 là hợp pháp, thấy rằng: Bà Trương Thị D và ông Đinh Tá K sống chung với nhau từ năm 1987. Ông bà sinh được một người con chung là anh Đinh Tá H, sinh năm 1992; ngày 12/02/2012, ông Đinh Tá K chết. Trước khi chết, ông Đinh Tá K viết và K tên vào 01 bản di chúc viết tay bằng mực màu xanh đề ngày 01/12/2004. Nội dung di chúc có 8 trang và 6 phần, được thể hiện rất nhiều nội dung trong đó có phần thứ 05 nói rõ về phân chia đất đai lai thổ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận với nhau: chữ viết, chữ K trong bản di chúc là của ông Đinh Tá K, không yêu cầu giám định và công nhận bản di chúc đó là của ông Đinh Tá K để lại. Ngoài bản di chúc này, ông Đinh Tá K không để lại bản di chúc nào khác. Đây là chứng cứ, tình tiết mà các đương sự thừa nhận với nhau và không phải chứng minh theo quy định tại điều 92, 93 Bộ luật Tố tụng dân sự. Di sản thừa kế là 3 thửa đất mà đương sự yêu cầu giải quyết trên đã được UBND huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K. Ông Đinh Tá K được nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai nên ông có quyền để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho người khác. Căn cứ Điều 634, 636, 637, 638, 649, 652, 653, 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 630, 631, 633 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về di chúc, quyền của người lập di chúc, hình thức của di chúc, di chúc hợp pháp, Hội đồng xét xử thấy rằng, Bản di chúc do ông Đinh Tá K để lại là hợp pháp.

[2.3] Xét di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo di chúc mà đương sự có yêu cầu giải quyết.

- Đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, bản đồ 299/TTg được UBND huyện Kỳ Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K tại xóm 1, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tổ dân phố H, phường K, thị xã K), diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng là 945,6m^2, thấy rằng: Thửa đất này, khi

còn sống ông Đinh Tá K đã chuyển nhượng cho: Hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Ba và bà Tương Mỹ Ái theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/11/2009 đã được UBND huyện Kỳ Anh (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 834714, số vào sổ H-00110 với điện tích 126m^2 đất vườn; Chuyển nhượng cho hộ gia đình ông Nguyễn Tiến Sơn và bà Thái Thị Tương theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/11/2009 đã được UBND huyện Kỳ Anh (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 834715, số vào sổ H-00111 với điện tích 126m^2 đất vườn; Chuyển nhượng cho hộ gia đình ông Hoàng Văn Kiếm và bà Phạm Thị Huyền theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/11/2009 đã được UBND huyện Kỳ Anh (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 834716, số vào sổ H-00112 với điện tích 123m^2 đất vườn; Phần diện tích đất còn lại, Ủy ban nhân dân thị xã K ra Quyết định thu hồi và áp giá chi trả bồi thường 341.402.700 đồng, số tiền bồi thưởng thửa đất này hiện chưa được chi trả do các bên đương sự đang có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản. Bị đơn ông Đinh Quang C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H cho rằng thửa đất này có nguồn gốc là đất của bà Cao Thị T và ông Đinh Tá K, (năm 1975 bà Thỏi được hợp tác xã giao đất, năm 1979 ông Đinh Tá K đi bộ đội về, cùng bà Thỏi sử dụng thửa đất này) và yêu cầu chia thửa đất này thành 3 phần cho Đinh Quang C, Đinh Thị H, Đinh Tá H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng đất: Tại tờ bản đồ số 09, bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980, sổ địa chính tại trang số 152 thì thửa đất này có số thửa 146, có diện tích là 1390m^2 (trong đó 300 m^2 đất ở và 865m^2 đất vườn) mang tên chủ sử dụng đất là ông Đinh Tá K và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số K 022157, vào sổ cấp giấy 86/QSDĐ cấp ngày 20/12/1996 thuộc trang số 152 và trang số 153 sổ địa chính. Tại văn bản số 1040/UBND-TNMT ngày 09/7/2020 của UBND thị xã K, trả lời xác nhận về nguồn gốc thửa đất; Văn bản Thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo của ông Đinh Quang C, số 211/TB-UBND ngày 10/6/2016 của UBND thị xã K; Văn bản trả lời số 48/CV-UBND ngày 19/6/2020 của UBND phường K, thị xã K, trả lời xác nhận về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng đất, đều xác nhận nguồn gốc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, bản đồ đo đạc theo chỉ thị 299/TTg, có tổng diện tích 1.390 m^2 mang tên là ông Đinh Tá K. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất được thể hiện: Năm 1981, Hợp tác xã Tân Phương (xã Kỳ Phương) cấp cho ông Đinh Tá K để làm nhà ở theo nguyện vọng của ông K (theo giấy đề nghị giải quyết đất ở có xác nhận của Chủ nhiệm HTX Tân Phương ngày 25/12/1981). Sau khi được cấp đất ông Đinh Tá K duy trì sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước từ năm 1981 đến 1986. Từ tháng 11/1986 đến tháng 7/1993 ông Đinh Tá K sử dụng đất dưới sự quản lý của HTX Liên Thắng, xã K. Tháng 7/1993 thực hiện việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân theo Nghị định 64/NĐ-CP, do UBND xã K quản lý công tác ruộng đất, đến ngày 20/12/1996 được UBND huyện Kỳ Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số K 022157, số vào sổ cấp giấy 86/QSDD, mang tên ông Đinh Tá K và tại sổ Địa chính trang số 152 thông tin địa chính thể hiện tên chủ sử dụng đất là Đinh Tá K, họ tên vợ

là Trương Thị D, địa chỉ Hoành Nam, Kỳ Liên, Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu thu thập được tại hồ sơ vụ án, bản đồ 299/TTg, thông tin theo Sổ địa chính, xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường K, thị xã K, Ủy ban nhân dân thị xã K, thì thửa đất số 146 trên có nguồn gốc do Hợp tác xã Tân Phương cấp cho ông Đinh Tá K vào năm 1981 khi ông K có đơn đề nghị cấp đất làm nhà ở. Không có thông tin nào thể hiện thửa đất 146 được cấp cho bà Cao Thị T từ năm 1975 như ông Đinh Quang C và bà Đinh Thị H trình bày. Quá trình được cấp đất, sử dụng đất của ông Đinh Tá K từ năm 1981 đến năm 2012 (năm ông K chết) không có tài liệu nào thể hiện có sự tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 146. Do đó, ông Đinh Quang C, bà Đinh Thị H cho rằng thửa đất trên là của ông Đinh Tá K và bà Cao Thị T và yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với thửa đất số 255, tờ bản đồ số 8, bản đồ 299/TTG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, tại khu vực phía sau khe Ô Ồ, địa chỉ: xóm 1, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tổ dân phố H, phường K, thị xã K), diện tích 601,2m^2, theo kết quả định giá tài sản có giá trị 33.294.800 đồng và Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 9, bản đồ 299/TTG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K tại khu vực Nhà Lợn, địa chỉ địa chỉ: xóm 1, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tổ dân phố H, phường K, thị xã K), có diện tích phần trồng lúa nước là 997,6m^2, trị giá 50.478.560 đồng và phần trồng cây bạch đàn là 1671,6m^2 , trị giá 11.534.040 đồng. Bị đơn cho rằng đây là 2 thửa đất do bị đơn khai hoang và cho cha đẻ của mình mượn để sử dụng, tuy nhiên: Tại văn bản số 1040/UBND-TNMT ngày 09/7/2020 của UBND thị xã K; Văn bản số 48/CV-UBND ngày 19/6/2020 của UBND phường K, thị xã K cung cấp thông tin thửa đất, xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất. Tại sổ địa chính trang số 153, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299/TTG thể hiện thửa số 299, địa danh thửa đất là Nhà Lợn. Tại sổ địa chính trang số 81, tờ bản đồ số 08, bản đồ 299/TTG thể hiện thửa số 255, địa danh thửa đất là Khe Ồ Ồ, đều mang tên chủ sử dụng đất là ông Đinh Tá K và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 86/QSD cấp ngày 20/12/1996. Tại sổ địa chính trang số 153 thể hiện chủ sử dụng đất là Đinh Tá K, họ tên vợ là Trương Thị D, nơi thường trú là Xóm 1, Kỳ Liên, Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Các tài liệu chứng cứ mà bị đơn giao nộp " Giấy thuận thỏa đổi đất", "Bản kê khai đất màu"để chứng minh cho quyền sử dụng đất của mình, không phải là một trong các loại giấy tờ chứng nhận về quyền sử dụng đất theo luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai qua các thời kỳ. Tại các văn bản trên, UBND phường K chỉ xác nhận về "chữ K và xác nhận về hộ khẩu thường trú" vào các văn bản chứ không xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Do đó, bị đơn cho rằng thửa đất số 299 và thửa số 255 là đất do bị đơn khai hoang và cho cha mẹ mượn sử dụng là không có căn cứ.

[2.4] Xét yêu cầu công nhận di sản thừa kế theo nội dung di chúc của ông Đinh Tá K:

Theo nội dung bản di chúc thì toàn bộ tài sản được để lại cho bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H, không phân chia cụ thể cho từng người. Bà Trương Thị D, anh Đinh Tá H không yêu cầu chia di sản thừa kế mà chỉ đề nghị công nhận tính hợp pháp của bản di chúc và đề nghị công nhận quyền sở hữu đối với di sản thừa kế được hưởng. Do đó, công nhận quyền được hưởng di sản thừa kế của bà Trương Thị D và anh Đinh Tá H trong khối di sản thừa kế của ông Đinh Tá K như sau:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, có diện tích 1165m^2, trong đó có 300m^2 đất ở và 865m^2 đất vườn; Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H được hưởng số tiền bồi thường giá trị thửa đất là 341.402.700 đồng theo quy định.

- Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 08, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, vị trí thửa đất khe Ồ Ồ, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Thủy, phía Nam thửa đất giáp đường giao thông, phía Tây thửa đất giáp hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Thủy và giáp đất bà Nguyễn Thị Xuân, phía Đông giáp đất hộ gia đình ông Uông Văn Hiển; diện tích thửa đất là 601,2 m^2; địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, giá trị thửa đất 33.294.800 đồng.

- Thửa đất trồng lúa số 299, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, vị trí thửa đất tại khu vực Nhà Lợn, có phía Bắc giáp đường giao thông rộng 07m; Phía Nam giáp phần đất phía Đông trồng cây Bạch đàn; Phía Tây thửa đất giáp phần đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hoành; Phía Đông giáp phần đất đồi phía Đông trồng cây Bạch Đàn, diện tích thửa đất trồng lúa là 997,6m^2. địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, giá trị thửa đất 50.478.560 đồng.

[2.5] Đối với phần đất phía Đông là đất đồi đã trồng cây Bạch Đàn, đã được khai thác, hiện mọc tái sinh khoảng 1 đến 2 năm tuổi, có diện tích 1671.6 m^2 , (phần đất tiếp giáp với phần đất trọt trồng lúa có diện tích 997.6 m^2 tại khu vực Nhà Lợn, thửa số Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 09, bàn đồ 299/TTg). Phần đất này, các đương sự không có tranh chấp, bị đơn, nguyên đơn thừa nhận phần đất này do bà Trương Thị D và ông Đinh Tá K tiến hành khai hoang và sử dụng, đây là phần diện tích đất nằm ngoài phần diện tích thửa đất số 299, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299/TTg, chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, nên tạm giao cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Nguyên đơn có quyền liên hệ và đề nghị các cơ quan quản lý đất đai ở địa phương để được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

[2.6] Đối với thửa đất theo nội dung bản di chúc, chia cho ông Đinh Quang C sử dụng, ông Đinh Quang C thừa nhận hiện nay ông đang sử dụng đất, đã làm nhà sinh sống trên thửa đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất mang tên ông, các đương sự không có tranh chấp, ông không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cấp nhận như phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, bác nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Về án phí: Người kháng cáo được miễn án phí DSPT theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội 14 và Luật người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, 315 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 06-10-2020 của TAND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng vào Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 634, 636, 637, 638, 649, 652, 653, 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 609, 624, 626, 627, khoản 1 Điều 628, Điều 630, 631, 633, 659 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hôn nhân gia đình năm 1959, Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án công nhận bản di chúc của ông Đinh Tá K lập ngày 01/12/2004 là hợp pháp.

2. Bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H được hưởng di sản thừa kế theo di chúc như sau:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, có diện tích 945,6m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H được hưởng số tiền bồi thường giá trị thửa đất số 146 là 341.402.700 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm linh hai nghìn, bảy trăm đồng) theo quy định.

- Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 08, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, vị trí thửa đất khe Ồ Ồ, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Thủy, phía Nam thửa đất giáp đường giao thông, phía Tây thửa đất giáp hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Thủy và giáp đất bà Nguyễn Thị Xuân, phía Đông giáp đất hộ gia đình ông Uông Văn Hiển; diện tích thửa đất là 601,2 m^2; địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Thửa đất trồng lúa số 299, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299/TTg, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 022157, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 86/QSDĐ ngày 20/12/1996 mang tên Đinh Tá K, vị trí thửa đất tại khu vực Nhà Lợn, có phía Bắc giáp đường giao thông rộng 07m; Phía Nam giáp phần đất phía Đông trồng cây Bạch đàn; Phía Tây thửa đất giáp phần đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hoành; Phía Đông giáp phần đất đồi phía Đông trồng cây Bạch Đàn, diện tích thửa đất trồng lúa là 997,6 m^2. địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố H, phường K, thị xã K.

Tạm giao cho bà Trương Thị D quản lý phần đất phía Đông trồng cây Bạch Đàn (Phần đất tiếp giáp với phần đất trồng lúa có diện tích 997.6 m^2 tại khu vực Nhà Lợn, thửa số Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 09, bàn đồ 299/TTg), tại khu vực Nhà Lợn, có vị trí: Phía Bắc giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Đinh Tá Dương; Phía Nam giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Võ Văn Tiến; Phía Tây giáp đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hoành và giáp phần đất trồng lúa phía Tây; Phía Đông giáp phần đất đồi trồng cây Bạch Đàn của hộ ông Đinh Tá Ngọc; diện tích thửa đất đồi trồng cây Bạch Đàn là 1671,6 m^2 . Bà Trương Thị D có quyền đề nghị các cơ quan quản lý đất đai ở địa phương để được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

3. Buộc ông Đinh Quang C phải chấm dứt các hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trương Thị D và ông Đinh Tá H đối với các di sản thừa kế là quyền sử dụng đất được hưởng.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí chia di sản thừa kế: Bà Trương Thị D, ông Đinh Tá H mỗi người phải nộp 10.503.500 đồng (Mười triệu, năm trăm linh ba nghìn, năm trăm đồng) án phí phân chia tài sản. Bà Trương Thị D được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/0007228 ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K. Ông Đinh Quang C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về lệ phí, chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyên của bà Trương Thị D, nhận nộp lệ phí, chi phí xem xét thẩm đinh, định giá tài sản theo quy định. Lệ phí, chi phí xem xét thẩm định, đinh giá tài sản nguyên đơn đã nộp đầy đủ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Quang C được miễn án phí Dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Đinh Quang C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSPT đã nộp tại Biên lai số 0006850 ngày 12/12/2020 tại Chi cục THADS thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H1 thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có H1 lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có H1 lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, THA sơ thẩm;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Thông